

Số: /QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ giải quyết các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực công nghiệp công nghệ số thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 132/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về việc phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 1406/QĐ-BKHCN ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực công nghiệp công nghệ số thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 2636/QĐ-BKHCN ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực công nghiệp công nghệ số thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 2383/TTr-SKHCN ngày 23 tháng 7 năm 2026; ý kiến của Sở Tư pháp tại Văn bản số 1874/STP-KTrVBQPPL ngày 17 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ giải quyết 08 thủ tục hành chính lĩnh vực công nghiệp công nghệ số thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh (tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

1. Tổ chức thực hiện các nội dung được ủy quyền tại Điều 1 Quyết định này bảo đảm đúng quy định hiện hành.
2. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về việc thực hiện các nội dung được ủy quyền.
3. Định kỳ 06 tháng hoặc đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân tỉnh; chậm nhất 01 tháng trước khi hết hiệu lực ủy quyền, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện đánh giá tổng thể kết quả thực hiện các nội dung được ủy quyền, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trong thời gian tiếp theo.

Điều 3. Thời hạn ủy quyền

1. Thời hạn ủy quyền được thực hiện kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2027.
2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật quy định về nội dung được ủy quyền được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ thì thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật mới.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, VP10,11.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Thanh Sơn

Phụ lục:

**Danh mục các thủ tục hành chính lĩnh vực công nghiệp
công nghệ số ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026
của UBND tỉnh Ninh Bình)

STT	Tên thủ tục hành chính
1.	Thủ tục đề nghị thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố).
2.	Thủ tục đề nghị gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố).
3.	Đề nghị kết thúc thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố).
4.	Đề nghị điều chỉnh thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố).
5.	Thủ tục đề nghị thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 02 tỉnh, thành phố).
6.	Thủ tục đề nghị gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 02 tỉnh, thành phố).
7.	Đề nghị kết thúc thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 02 tỉnh, thành phố).
8.	Đề nghị điều chỉnh thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 02 tỉnh, thành phố).
